TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29/6/2026
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Bẩm

2. Bà Nguyễn Thị Thuý An

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Hoàng Nam - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 12 - An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - An Giang tham gia phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Bạch Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 06/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 1 năm 2026, về tranh chấp "*Ly hôn*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2026 giữa:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1986 (có đơn yêu cầu vắng mặt).

Số CCCD số 086086XXXXX, do Cục C về trật tự xã hội cấp.

Nơi cư trú: số D, tổ B, ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: bà Hồ Thị Kim N, sinh năm 1987, (vắng mặt).

Số CCCD 089187XXXXX, do Cục C về trật tự xã hội cấp.

Nơi cư trú: tổ A, ấp P, xã C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 15/12/2025, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn ông Nguyễn Minh H trình bày:

Về hôn nhân: ông và bà N quen biết tìm hiểu nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý, tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Vĩnh Long cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 05/6/2024. Sau khi cưới, vợ

chồng thuê nhà trọ chung sống và đi làm công nhân, thời gian đầu, sống hạnh phúc khoảng 6 tháng, đến khoảng tháng 12 năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nguyên nhân về vấn đề tiền bạc kinh tế gia đình, bà N nhiều lần nói lời chê bai xúc phạm ông làm tiền lương ông ít không phục vụ được cuộc sống cho bà N, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn kéo dài đến tháng 9 năm 2025, bà N bỏ đi. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người mỗi nơi từ đó cho đến nay, không ai quan tâm ai. Hiện tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với bà Hồ Thị Kim N.

- Về con chung: vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài ra không có ý kiến nào khác.

- Bị đơn bà Lê Thị H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không có ý kiến, trình bày.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 -An Giang:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Hôn nhân của ông H1 và bà N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, từ khi ly thân đến nay không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nay ông H1 yêu cầu ly hôn với bà N; về con chung không có, nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: ông H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà N nên xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: bà Hồ Thị Kim N là bị đơn có nơi cư trú tại ấp P, xã C, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - An Giang.

Ông H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà N đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà lần thứ 02 không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan; nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh, chị theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: ông Nguyễn Minh H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Hồ Thị Kim N. Xét chứng cứ có trong hồ sơ cùng kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa thể hiện, hôn nhân của ông H bà N được xác lập năm 2014 trên cơ sở tự tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân từ năm 2025 đến nay. Trong quá trình ly thân vợ chồng không hàn gắn được tình cảm, mỗi người sinh sống mỗi nơi, không ai quan tâm ai, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông H yêu cầu ly hôn là có cơ sở nên được chấp nhận theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: ông H và bà N không có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Ông H phải chịu án phí theo qui định pháp luật. Bà N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26; khoản 5, khoản 6 Điều 27 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh H.

1. Về hôn nhân: ông Nguyễn Minh H được ly hôn với bà Hồ Thị Kim N.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: ông Nguyễn Minh H phải chịu án phí là 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 431 ngày 16/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV12 - AG;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Chợ Vàm, tỉnh AG;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Bích Tuyền